

Bản án số: 327/2021/HNGĐ-ST
Ngày 01-12-2021
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con,
chia tài sản khi ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm, gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tâm Nhân.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Võ Văn Tám.

Ông Đoàn Trí Thiện.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Thy là thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân tham gia phiên tòa: Ông Triệu Nhựt Giang là Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 12 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 337/2020/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2020 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 139/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 6 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Hoa Thị Kim T, sinh năm 1989. Cư trú tổ 14, ấp B, xã P, huyện P, tỉnh An Giang.

2. *Bị đơn:* Anh Ngô Minh T1, sinh năm 1988. Cư trú tổ 14, ấp B, xã P, huyện P, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ly hôn ngày 19-8-2020, đơn khởi kiện bổ sung ngày 20-11-2020, đơn xin xem xét rút lại một phần yêu cầu ngày 28-6-2021 và các bản tự khai, chị Hoa Thị Kim T trình bày:

Chị T và Anh T1 chung sống với nhau vào năm 2006, không đăng ký kết hôn. Đến năm 2019, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, thường xuyên cự cãi với nhau.

Chị T yêu cầu ly hôn với Anh T1.

Về quan hệ con chung: Khi ly hôn, Chị T yêu cầu nuôi con Ngô Minh Hào, sinh ngày 28-9-2008 theo giấy khai sinh số 13 quyền số 02 ngày 16-10-2008 của Ủy ban nhân dân xã P, hiện con đang sống cùng với Anh T1. Chị T không yêu cầu

cấp dưỡng cho con. Quá trình giải quyết vụ án, Chị T có ý kiến tùy theo quyết định của con muốn sống cùng với ai cũng được.

Về quan hệ tài sản: Chị T yêu cầu Anh T1 trả lại 05 chỉ vàng 24k là số vàng của mẹ ruột Chị T tặng riêng cho Chị T; Chị T yêu cầu Anh T1 chia tài sản chung của vợ chồng là chiếc xe mô tô hiệu Future do Anh T1 quản lý, trị giá 25.000.000 đồng. Ngày 28-6-2021, Chị T có đơn rút lại yêu cầu trả lại 05 chỉ vàng 24k, chia tài sản là chiếc xe Future do tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về quan hệ nợ chung: Không có.

Theo đơn yêu cầu phản tố ngày 21-10-2020, biên bản lấy lời khai, đơn xin xem xét rút lại một phần yêu cầu ngày 28-6-2021 và các bản tự khai, anh Ngô Minh T1 trình bày:

Anh T1 đồng ý ly hôn theo ý kiến, yêu cầu của Chị T.

Về quan hệ con chung: Anh T1 thống nhất có 01 con chung là Ngô Minh Hào, sinh ngày 28-9-2008, hiện con đang sống chung với Anh T1. Anh T1 yêu cầu nuôi con, tùy theo sự quyết định của con.

Về quan hệ tài sản: Anh T1 yêu cầu Tòa án giải quyết, chia: Số tiền 85.000.000 đồng đã sửa chữa căn nhà của mẹ ruột Chị T; Máy giặt hiệu Samsung, trị giá 11.000.000 đồng; Tủ lạnh hiệu Samsung, trị giá 12.000.000 đồng; Tivi hiệu Samsung, trị giá 13.000.000 đồng; 02 chỉ vàng 24k, trị giá 5.345.000 đồng/chỉ; 25 chỉ vàng 18k, trị giá 3.830.000 đồng/chỉ; Dàn âm thanh bao gồm: 01 cặp micro điện tử, 01 nicsơ công sức, 01 cục nâng tiếng, 01 cặp loa, trị giá 25.000.000 đồng. Ngày 28-6-2021, Anh T1 có đơn rút lại yêu cầu đối với các tài sản do tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về quan hệ nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa: Chị T và Anh T1 thống nhất vợ chồng không có đăng ký kết hôn, giữ nguyên ý kiến ly hôn, Chị T và Anh T1 đều có yêu cầu nuôi con và có ý kiến tùy theo quyết định của con. Chị T và Anh T1 đều rút lại yêu cầu giải quyết về tài sản.

Ý kiến của Chị T: trước đây, do Chị T đi làm công ty nên đã giao con cho Anh T1 nuôi dưỡng đến nay. Quá trình Anh T1 nuôi con thì Anh T1 chăm sóc con cũng tốt. Chị T không yêu cầu Anh T1 cấp dưỡng cho con nếu con sống chung với Chị T.

Ý kiến của Anh T1: Anh T1 đang nuôi con, không đồng ý việc Chị T nuôi con, không yêu cầu Chị T cấp dưỡng cho con nếu con sống chung với Anh T1.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân:

Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 68, 93, 94, 95, 96, 97, 195, 196, 203, khoản 3 Điều 208 Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, thời hạn chuẩn bị xét xử, Thẩm phán thực hiện chưa đúng quy định tại Điều

203 Bộ luật tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án tại phiên tòa đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn Chị T và bị đơn Anh T1 đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định tại Điều 70, 71, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Chị T và Anh T1 không có đăng ký kết hôn. Theo quy định Điều 14 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng. Trường hợp có yêu cầu ly hôn thì căn cứ khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Tòa án thụ lý và không công nhận quan hệ vợ chồng.

Về quan hệ con chung: Theo nguyện vọng của con Ngô Minh Hào muốn được sinh sống với Anh T1. Theo khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử giao con Ngô Minh Hào cho Anh T1 trực tiếp nuôi dưỡng.

Về quan hệ tài sản: Chị T và Anh T1 rút lại yêu cầu chia tài sản, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Theo quy định khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu của Chị T, Anh T1 đã rút.

Về án phí: Chị T phải chịu án phí ly hôn; Chị T và Anh T1 không phải chịu án phí về yêu cầu chia tài sản.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phân tích, đánh giá và nhận định như sau:

[1] Chị T có đơn khởi kiện đối với Anh T1 về yêu cầu ly hôn, yêu cầu nuôi con, chia tài sản khi ly hôn. Anh T1 có địa chỉ cư trú tại ấp B, xã P, huyện P, tỉnh An Giang. Do đó, quan hệ pháp luật của vụ án xác định là ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[2] Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Chị T và Anh T1 có đơn rút lại yêu cầu giải quyết về tài sản, tự thỏa thuận. Theo quy định tại Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án chấp nhận việc rút lại một phần yêu cầu khởi kiện của Chị T, toàn bộ yêu cầu phản tố của Anh T1 và đình chỉ xét xử đối với yêu cầu giải quyết về tài sản.

[3] Chị T và Anh T1 chung sống với nhau mà không có đăng ký kết hôn nên không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Chị T có yêu cầu ly hôn với Anh T1 nên Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa Chị T và Anh T1 theo quy định tại khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[4] Về ý kiến, yêu cầu nuôi con.

Chị T và Anh T1 đều có yêu cầu nuôi con và có ý kiến tùy theo quyết định của con. Tòa án tiến hành lấy ý kiến, nguyện vọng của con mong muốn sống chung với Anh T1 nên Chị T phải tôn trọng ý kiến, quyền của con được sống chung với Anh T1. Mặt khác, con được Anh T1 nuôi dưỡng, chăm sóc tốt, có điều kiện sinh hoạt, môi trường sống ổn định trong khoảng thời gian dài sống chung với Anh T1. Điều này, Chị T cũng không có ý kiến phản đối. Theo quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án giao cho Anh T1 trực tiếp nuôi con Ngô Minh Hào. Ngoài ra, Anh T1 không yêu cầu Chị T cấp dưỡng cho con nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

Sau khi ly hôn, mặc dù Chị T không trực tiếp nuôi con, nhưng việc nuôi con là trách nhiệm của cha, mẹ đối với con chứ không phải là quyền lợi nên Anh T1 phải tạo điều kiện thuận lợi cho Chị T thực hiện quyền chăm sóc, dưỡng nuôi con mà không ai được cản trở.

[5] Chị T và Anh T1 thống nhất không có nợ chung. Vì vậy, Tòa án không xem xét, giải quyết.

[6] Về chi phí tố tụng: Anh T1 phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, định giá tài sản theo quy định Điều 157, Điều 165 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị T phải chịu án phí ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

Trả lại cho Chị T và Anh T1 tiền tạm ứng án về yêu cầu chia tài sản do đã rút yêu cầu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 157, khoản 165, Điều 218, Điều 244, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 14, Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 2 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Hoa Thị Kim T đối với bị đơn anh Ngô Minh T1.

Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Hoa Thị Kim T và anh Ngô Minh T1.

Giao con Ngô Minh Hào, sinh ngày 28-9-2008 cho anh Ngô Minh T1 trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Anh T1 không yêu cầu cấp dưỡng cho con.

Chị T không trực tiếp nuôi con nhưng có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con mà không ai được cản trở.

Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu khởi kiện bổ sung của nguyên đơn chị Hoa Thị Kim T về chia tài sản.

Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu phản tố của bị đơn anh Ngô Minh T1 về chia tài sản.

Chị T và Anh T1 thống nhất không có nợ chung.

Về chi phí tố tụng: Anh T1 phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, định giá tài sản là 1.300.000 đồng (đã nộp xong).

Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai số TU/2019/0001467 ngày 30 tháng 9 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân.

Trả lại cho Chị T số tiền tạm ứng án phí 737.000 đồng theo biên lai số TU/2019/0001750 ngày 01 tháng 12 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân.

Trả lại cho Anh T1 số tiền tạm ứng án phí 4.488.000 đồng theo biên lai số TU/2019/0001627 ngày 23 tháng 10 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân.

Chị T và Anh T1 có quyền kháng cáo đối với bản án trong thời hạn 15 ngày được tính từ ngày tuyên án.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân;
- Lưu: Văn thư, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Tâm Nhân